

TẢN ĐÀ - TỪ NHÀ NHO TÀI TỬ ĐẾN NHÀ NHO TÂN THỜI

Bùi Thị Lan Hương

Khoa Sư phạm Tiểu học, Trường Đại học Hạ Long, Quảng Ninh

Tóm tắt. Không phải ngẫu nhiên mà Tản Đà được chủ nhân cuốn *Thi nhân Việt Nam* ví von là cánh cửa khép mở của hai thế kỉ, được Hoài Thanh cùng các nhà phê bình văn học đánh giá là gạch nối của hai thời kì văn học trung đại và hiện đại [4]. Những sáng tác của Tản Đà vừa là sự tiếp thu nguồn cội của văn học dân tộc, vừa là sự đột phá sáng tạo mở đường cho một thời kì văn học mới – thời kì hiện đại hóa văn học nước nhà. “Người của hai thế kỉ” [6;11] ấy bằng những sáng tác của mình đã thực hiện một hành trình dịch chuyển táo bạo từ “nhà Nho tài tử” với cái tôi thị tài và đa tình đến vị trí “nhà Nho tân học” với những biến đổi quan trọng trong quan niệm văn học, với cái tôi đa sầu đa mộng và với hình ảnh một nhà tiểu thuyết kiêm kí giả văn nhân chuyên nghiệp giai đoạn giao thời.

Từ khóa: Tản Đà, nhà Nho tài tử, nhà Nho tân thời, tiểu thuyết, giao thời.

1. Mở đầu

Trong văn học thế giới nói chung và văn học Việt Nam nói riêng, ở một số thời điểm chúng ta lại bắt gặp những hiện tượng “đột biến” - những nhà thơ, nhà văn có sáng tác cách tân, tạo tiền đề cho sự vận động, chuyển mình của các nền văn học. Và khi nói tới một trong những hiện tượng “đột biến” đầu tiên của văn học Việt Nam thế kỉ XX, không thể không nhắc tới Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu - người được Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam* đánh giá là “người của hai thế kỉ”, là gạch nối của hai thời kì văn học trung đại và hiện đại [6;11]. Những sáng tác của Tản Đà vừa là sự tiếp thu nguồn cội của văn học dân tộc, vừa là sự đột phá sáng tạo mở đường cho một thời kì văn học mới - thời kì hiện đại hóa văn học nước nhà.

2. Nội dung nghiên cứu

Thời đại Tản Đà trưởng thành và sáng tác là một giai đoạn đặc biệt trong lịch sử (văn học) dân tộc. Đó là thời kì chuyển giao từ hệ hình văn học trung đại sang hiện đại với biết bao những biến động quan trọng về nhiều phương diện trong đời sống văn chương. Tất cả những chuyển động phức tạp, đa chiều của lịch sử, của đời sống tinh thần cũng như vật chất của thời đại dường như được dồn nén, gập gờ, đấu tranh và kết hợp trong một nhà thơ vừa cũ lại vừa mới: Tản Đà.

2.1. Từ “nhà Nho tài tử” với cái tôi thị tài và đa tình...

Tản Đà sinh trưởng trong một gia đình Nho học khoa bảng. Tổ tiên ông có nhiều đời làm quan dưới triều Lê, đến thời cha ông là Nguyễn Danh Kế từng đỗ cử nhân và làm quan dưới triều

Ngày nhận bài: 1/11/2016. Ngày nhận đăng: 20/3/2017

Liên hệ: Bùi Thị Lan Hương, e-mail: huongthanhthao@gmail.com

Nguyễn. Là con trai út của cuộc lương duyên giữa cha là bậc tài tử và mẹ là đào hát nổi danh tài sắc ở Hàng Thao - Nam Định, Tản Đà sớm được hấp thụ một nền giáo dục Nho gia từ nhỏ. Vốn thông minh lại ham học nên khi mười lăm tuổi ông đã nổi tiếng là thần đồng thơ phú. Xuất phát điểm của Tản Đà là một nhà nho và trưởng thành theo kiểu nhà nho tài tử. Từ trong máu thịt, ở ông lại có sự kết hợp thiên bẩm giữa cái lí tưởng, học thức của Nho gia nơi cha với cái chất “nghệ sĩ” tài hoa, tự do nơi mẹ, nó góp phần thúc đẩy cái tài tử, hào hoa, ngông nghênh nhưng lại rất mực trí tuệ, nghiêm túc của ông sau này phát triển.

Khác với mẫu hình nhà nho truyền thống luôn tuân theo những chuẩn mực đạo đức bất buộc, nhà nho tài tử được biết đến với hai đặc điểm cơ bản: thị tài và đa tình. Mẫu hình nhà nho tài tử phát triển với tên tuổi của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát nhưng phải đến Tản Đà tính chất tài tử mới được thể hiện trọn vẹn trong một xã hội có phần tự do hơn về mặt phát triển cá tính, ít sức ép từ hệ tư tưởng và thể chế thống trị hơn.

Là sự kế thừa và tiếp nối của mẫu hình nhà nho tài tử, Tản Đà cũng thị tài như ai.

Ông tự nhận mình là một “hủ nho”, viết văn để thể hiện chất tài tử của mình:

*Vùng đất Sơn Tây nấy một ông
Tuổi chứa bao nhiêu văn rất hùng
Sông Đà, núi Tản ai hun đúc
Bút Thánh, câu Thần sớm vãi vung.*

(Tự trào)

Tản Đà luôn ý thức được tài năng của mình, mặc dù ông không có duyên đỗ đạt trong các kì thi:

*Bởi ông hay quá ông không đỗ
Không đỗ ông càng tốt bộ ngông.*

(Tự trào)

Về mặt này, ông nói thật hay và cũng thật đúng. Xã hội phong kiến Việt Nam ở buổi thoái trào không còn dung võ cho người tài giỏi. Những nhà nho tài năng mà tài hoa, học hành, chữ nghĩa giỏi giang như Trần Tế Xương, Nguyễn Khắc Hiếu... không thể có tên trong chốn khoa cử, công danh. Cái xã hội khuôn sáo và cứng nhắc, giết chết tài năng và sự sáng tạo đó không thể chấp nhận những người phóng khoáng, không chịu gò mình vào khuôn phép như họ. Đó là bi kịch của xã hội, cũng là bi kịch của mỗi cá nhân trong thời buổi thực dân phong kiến nhiều nhường. Văn chương là nơi chốn cuối cùng để họ thể hiện tài năng và trút vào đó nỗi niềm thời thế của mình.

Tản Đà cũng thường tự phụ về văn chương của mình:

*Xuống ngọn bút muta sa, gió táp
Vạch câu thơ quĩ phẩm, thần kinh”.*

(Hầu trời)

Cho rằng người trần không thể cảm nhận được văn chương của mình, ông phải đem thơ lên bán cho Trời:

*Trời lại phê cho: Văn thật tuyệt
Văn trần được thể chắc có ít... ”*

(Hầu trời)

Mượn “bút phê” của Trời để quảng bá cho tài văn của mình, chắc chỉ có Tản Đà. Tạo ra tình huống hầu trời để có cơ hội phô bày tài năng, sự nghiệp thơ văn của mình, đây quả là một cách tự khẳng định rất độc đáo, rất “ngông” của vị “trích tiên” Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu. “Thị tài” và “thị tài” theo kiểu Nguyễn Khắc Hiếu đã trở thành một trong những điểm nổi bật làm nên chất

riêng của người thi sĩ.

Yếu tố “thị tài” của các nhà nho tài tử luôn đi liền với tính “đa tình” – hiểu theo nghĩa rộng của từ này. Cái đa tình trong con người Tản Đà biểu hiện ở sự dễ xúc động, nhạy cảm nhưng thể hiện rõ nhất qua những giấc mộng yêu đương. Tản Đà không chỉ đắm say trong những mối tình trần thế mà còn thương mến cả những con người ở cõi mơ, cõi mộng đầy huyền hoặc. Không gặp người đẹp trong cuộc đời thực tại, Tản Đà tìm đến những người đẹp đã thành thiên cổ: Ngu Cơ, Tây Thi, Dương Quý Phi, Hằng Nga... Lên trên trời, ông không cưới rồng, cưới hạc đi dự tiệc Bàn Đào, luyện thuốc trường sinh mà đi dự những cuộc “uống rượu chỉ có ba người” - mình cùng Dương Quý Phi và Tây Thi - không phải với các bậc vua chúa, thi nhân mà với những người đẹp.

Tình yêu của Tản Đà có khi không phải thứ tình yêu bền lâu mà là thứ tình thoáng qua, trắng gió. Cùng một lúc thi sĩ có thể yêu đương và chung thủy với cả hai người phụ nữ, một là vợ ở quê nhà và một là người tình trên đất khách (nhân vật Nguyễn Khắc Hiếu trong *Giấc mộng con*). Thị tài và đa tình - đó cũng chính là cách để Tản Đà bày tỏ, giải bày cái tôi của mình - một cái tôi đầy cá tính, bản lĩnh, luôn hướng đến việc xác lập cho mình những giá trị riêng. Về mặt này, mặc dù có nhiều nét khác biệt, lại sống trong một môi trường có nhiều đổi thay, chuyển biến khác thường nhưng Tản Đà vẫn có nhiều biểu hiện giống các nhà nho tài tử trước ông như Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương. Thực chất ông vẫn là một nhà nho, một nhà nho tài tử đích thực cuối cùng trong buổi giao thời giữa hai thế kỉ.

Ảnh hưởng từ môi trường đô thị và xuất phát từ chính cá tính ngộ nghĩnh táo bạo của mình, Tản Đà đã khép lại thế hệ nhà nho cuối mùa với hình ảnh “nhà nho tài tử” và mở một lối đi riêng cho thơ văn hiện đại.

2.2. ... Đến “nhà nho tân học”

“Nhà nho tân học” là loại hình tác giả đặc trưng của văn học buổi giao thời. Đây là những người được học hành và chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho gia và nền Hán học truyền thống nhưng do hoàn cảnh lịch sử, họ đã được học tập và chịu ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tri thức mới mẽ đến từ phương Tây. Với tâm đức mẫu mực của bậc Nho gia truyền thống cùng với tài năng vững vàng và bản lĩnh thức thời, tiến bộ, các nhà nho tân học đã mang đến cho văn học Việt Nam một diện mạo tươi mới ngay trong giai đoạn văn học hiện đại đang trong quá trình hình thành. Tản Đà là một nhân vật điển hình trong số đó. Ông là người thuộc lớp thế hệ nho sinh đầu tiên chuyển đổi sang làm học trò của nền giáo dục mới của chế độ bảo hộ của người Pháp. Năm 1907, ông được theo học ở Trường Quy thức (Ecole Modele) ở Hà Nội một thời gian, tiếp thu được từ đó nhiều tri thức của phương Tây. Cùng một thế hệ như ông, không phải ai cũng có điều kiện tiếp cận với cái mới và có được bước chuyển biến sang cái mới như ông. Đa số họ trở thành “hủ nho”, rơi vào sự lãng quên của lịch sử.

Là con người của hai thế kỉ, mang trong mình đặc trưng của thời kì quá độ, giao thời giữa cái cũ và cái mới, Tản Đà chứa đựng trong mình nhiều yếu tố phức tạp mang đặc trưng của sự chuyển giao loại hình tác giả từ nhà nho tài tử sang tác giả hiện đại.

Là nhà nho, như nhiều nhà nho truyền thống khác, Tản Đà cũng có tham vọng “kinh bang tế thế” và “cải cách xã hội” bằng văn chương. Ở giai đoạn lịch sử mới, khi mà Nho giáo đã mất địa vị thống trị về tư tưởng thì những tham vọng đó chỉ còn là ảo vọng. Nhà nho buổi giao thời là những con người luôn sống trong ảo tưởng về sức mạnh của nền học vấn truyền thống mà họ được đào tạo, cũng như ảo tưởng về sức mạnh cải tạo xã hội của văn chương. Tuy nhiên những biến đổi và tác động mạnh mẽ của đời sống xã hội buổi giao thời, đôi khi là những đổi thay phũ phàng của đời sống hiện thực của toàn xã hội cũng như của bản thân mỗi cá nhân đã làm thay đổi dần nhận

thức trong họ. Tản Đà cũng vậy, cuộc đời ông đã có nhiều đổi thay khó lường, có nhiều điều mới mẻ xuất hiện trong nhận thức của ông và nó đã được thể hiện cụ thể thành những sáng tạo mang tính chất mở đầu trong các tác phẩm của thời kì mới.

Trước hết là những biến đổi quan trọng trong quan niệm văn học: từ quan niệm truyền thống “văn dĩ tải đạo” đến văn chương Tản Đà, thấy bộc lộ rất rõ quan niệm văn học tả thực, phản ánh hiện thực. Văn học trở thành sự nghiệp của một đời người, thành nghề nghiệp sinh sống của mỗi cá nhân. Từ định kiến thường gặp thời trung đại: coi thường tiểu thuyết, đến Tản Đà, ông đã lựa chọn tiểu thuyết làm thể loại chủ lực cho các sáng tác của mình. Đến Tản Đà, văn chương bắt đầu được quan niệm như một thứ nghệ thuật thuần túy, thỏa mãn tính nghệ sĩ của người sáng tác, phục vụ thị hiếu công chúng, chịu sự quy định của người đọc, bớt dần đi tính quan phương, chủ quan, bớt dần đi việc quá đề cao tính giáo huấn như trong văn học truyền thống.

2.2.1. Tản Đà - cái tôi đa sầu đa mộng

Cuộc đời Tản Đà nhiều điều không như ý. Nổi tiếng thần đồng từ thuở nhỏ, cũng ôm ấp mộng như những nhà nho truyền thống đi thi mong đỗ đạt ra làm quan giúp dân, giúp nước thế nhưng nhà thơ lại không có duyên với thi cử. Có lẽ vì thế mà trong thơ văn, Tản Đà hiện lên là một người luôn mang trong mình “một gánh tương tư một gánh sầu”. Gánh sầu ấy trước hết là nỗi lòng thế sự, lòng yêu nước kín đáo mà sâu sắc, muốn được cống hiến tài năng của mình cho dân, cho nước nhưng lại luôn rơi vào tâm trạng bất lực. Điều này được thể hiện trong nhiều bài thơ của ông như: *Thề non nước*, *Muốn làm thằng Cuội*...

Hai lần hỏng thi và rồi lại bị lỗi duyên trong chuyện tình cảm, Tản Đà trở nên chán nản, bi phẫn, bất mãn và rơi vào trạng thái mất phương hướng. Cuộc đời gian nan và không toại nguyện có lẽ là nguyên do đầu tiên đưa Tản Đà bước lạc vào cõi sâu và mộng, mở đường cho cái Tôi sâu mộng ở bề sâu, bề xa của Thơ Mới. Sầu là bệnh của ông, cũng là bệnh chung cho cả một thế hệ lưng chừng (đứng giữa hai thế kỉ, hai thời đại) và bất lực. Ta thường gặp trong thơ ông một nỗi sầu với ý thức về sự hữu hạn của kiếp người, kiểu như: “Vèo trông lá rụng đầy sân” (*Cảm thu tiễn thu*). Một chữ “vèo” mà thấy đời người chỉ còn khoảnh khắc, một chữ “vèo” mà chớp mắt cuộc đời đã trôi qua. Đó chẳng phải là điều mới mẻ khác thường, là những hạt mầm cho sự hồi thức cuống quýt, vội vàng, mê đắm mà xót xa của thi sĩ Xuân Diệu sau này đó sao?

Nhưng có lẽ, với nhà thơ của núi Tản, sông Đà, cái sầu ở ông không phải là cái sầu tầm thường, vơ vẩn mà chứa chan nỗi niềm nhân thế, kiểu như: “Dân hai lăm triệu ai người lớn/ Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con...” (*Mâu Thìn xuân cảm*)

Không thể đi hết mọi chiều kích thế giới vì giới hạn cuộc đời, ông lấy chính cái Mộng của mình để nối rộng, bắc cầu những cuộc đi. Trong thơ văn và bằng thơ văn, Tản Đà theo đuổi những cuộc chơi, cũng là những giấc mộng của riêng mình. Những cuộc chơi trong thú giang hồ xê dịch đã thỏa mãn cái Tôi của ông: *Chơi Hòa Bình*, *Chơi Huế*, *Nhớ cảnh cầu Hàm Rồng*... rồi đến những cuộc viễn du trong trí tưởng tượng ở *Giấc mộng con*, *Giấc mộng lớn*... Và cuộc chơi lớn mà Tản Đà chung thủy nhất có lẽ là tình ái!

Sầu mộng của thi sĩ Tản Đà là sầu mộng muôn đời vạn kiếp, mang màu sắc lãng mạn. Ấy là cái sầu mộng của một nhà nho thời tàn cuộc, gặp nhiều thất bại éo le và bất lực dưới chế độ thực dân nửa phong kiến. Có thể nói, cũng chính những sầu và mộng này của Tản Đà đã mở lối cho thế giới Thơ Mới với những cảm xúc thành thực nhất. Chẳng thế mà Hoài Thanh đã cung chiêu anh hồn thi nhân rằng: “Tiên sinh đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kì đương sắp sửa” [6,12].

2.2.2. Tản Đà - nhà tiểu thuyết kiêm kí giả

Như chúng ta đã biết, trong quá trình hiện đại hóa của văn học Việt Nam, quãng thời gian những năm đầu thế kỉ XX tuy mới chỉ được xem là bước chuẩn bị song lại đóng một vai trò hết sức quan trọng. Đó là giai đoạn hình thành, đặt nền móng cho một nền văn học mới: nền văn học viết bằng chữ quốc ngữ, xây dựng trên cơ sở bộ chữ cái La-tinh. Trong nền văn học quốc ngữ ở buổi sơ khởi ấy, văn xuôi quốc ngữ được đánh giá là bộ phận có nhiều biểu hiện mới lạ, hiện đại hơn cả. Văn xuôi Tản Đà là một trong số đó.

Lâu nay, người ta thường nhắc nhiều về Tản Đà trong vị thế là nhà thơ - thi sĩ mở đầu cho nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Thậm chí, có người còn khẳng định tuyệt đối: Tản Đà chỉ là một thi sĩ. Thế nhưng Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng khi viết lời đề tựa cho *Giấc mộng con* đã đáp lại rằng: “Khi nói câu ấy tức là người ta đã phụ bạc biết bao nhiêu công phu của Tản Đà trong nền văn xuôi Việt Nam cận đại. . . .Kì thực, Tản Đà làm văn xuôi rất dụng công mà văn xuôi của Tản Đà rất dồi dào tư tưởng. . .”[3; 3-4]. Quả thực, căn cứ kết quả khảo sát của Hán Thu thì số lượng tác phẩm văn vần của Tản Đà rất đáng nể phục, có tới 14 cuốn đã in thành sách, ngoài ra còn có hàng trăm bài văn xuôi, văn soạn ra hay văn dịch mà Nguyễn Khắc Hiếu chưa kịp gộp lại thành sách. Đây là chưa kể, ông còn từng làm chủ bút của nhiều tạp chí có tiếng thời bấy giờ (trong Hữu Thanh tạp chí. . .). Đó là sự cân đong đo đếm về lượng. Về chất, xin mượn lời Hán Thu để một lần nữa “quả quyết mà đáp rằng: giá trị văn xuôi của Tản Đà cũng không kém gì giá trị văn vần của Tản Đà” [3; 4]

Khi cả thiên hạ tìm cách hạ bệ “cái cũ”, cái truyền thống, đối lập nó với cái mới đến từ phương Tây. Đặc biệt họ bài xích những yếu tố hoang đường, kì ảo vì cho rằng nó “xa đời hiện thực”, là hiện thân của nền văn học cũ thì Tản Đà quay sang viết tiểu thuyết *Giấc mộng con* theo hình thức kì ảo, hoang đường và với tài năng của mình ông là người có công rất lớn trong việc tiếp tục duy trì, phát huy và kết nối những tinh hoa của nền văn học cũ với nền văn học mới đang có nguy cơ quay mặt lại với truyền thống hàng ngàn năm của văn học dân tộc. Đến giai đoạn 1932 - 1945, sau một thời gian “cắt đứt” với truyền thống, tiếp nối Tản Đà, văn học hiện đại đã nảy sinh một bộ phận văn học viết theo lối kì ảo với những Thế Lữ (*Vàng và máu. . .*), Lan Khai (*Truyện đường rừng. . .*), Nguyễn Tuân (*Yêu ngôn. . .*). . . Công lao đứng ở vị trí là điểm nối giữa truyền thống và hiện đại, mở ra nhiều xu hướng mới cho văn học dân tộc đó của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu là hết sức đáng trân trọng, thể hiện bản lĩnh, tài năng và sự sáng tạo của ông, để rồi sau ông tiểu thuyết sẽ trở thành một thể loại chủ lực của nền văn học hiện đại.

Bên cạnh đó, Tản Đà còn đóng vai trò người mở đầu cho sự hình thành loại hình kí giả - văn nhân chuyên nghiệp giai đoạn giao thời, những nghệ sĩ hết sức quan tâm đến đời sống chính trị, đến các vấn đề xã hội đã thể hiện một thái độ nhập cuộc tích cực.

Tản Đà đã mạnh dạn đến với văn học chuyên nghiệp một cách quyết liệt và triệt để - một lựa chọn mà ngay cả những nhà văn ở giai đoạn 1932 - 1945 sau này không phải ai cũng làm được. Ông là nghệ sĩ đầu tiên của văn học Việt Nam hiện đại gây sốc trong giới sáng tác bấy giờ khi đưa ra quan niệm “nôm na phá nghiệp kiếm ăn xoàng”, tức coi việc viết văn, làm báo như một nghề và dám kiếm sống bằng ngòi bút của mình dưới xã hội tư sản thuộc địa. Tản Đà không phải là người duy nhất lâm vào bi kịch của nghệ sĩ. Văn học nhân loại đã có rất nhiều hiện tượng kiểu như vậy. Trong văn học Việt Nam hiện đại, Tản Đà xứng đáng được coi là “người thứ nhất”, nói như Xuân Diệu: “Tản Đà là người thứ nhất đã có can đảm làm một thi sĩ, đã làm thi sĩ một cách đường hoàng, bạo dạn, dám giữ một bản ngã, dám có một cái Tôi” [4; 180].

Ngay từ năm 1916, trong lời đề tựa cho tập *Khởi tình con (I)*, người ta đã bắt gặp một chân dung và một tuyên ngôn cho sự tồn tại của loại hình nhà văn mà rồi đây sẽ chiếm vị trí chủ đạo

trong đời sống văn học:

*Còn non còn nước còn trăng gió
Còn có thơ ca bán phố phường.*

Ông hăm hở bước chân vào địa hạt báo chí với biết bao dự định cách tân, đổi mới. Nhiều bài báo của ông có tính thời sự cao và mang đậm hơi thở của cuộc sống - hai đặc điểm quan trọng và không thể thiếu của báo chí. Đặt sự nghiệp làm báo của Tản Đà trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ mới thấy hết những nỗ lực của một nhà nho trong việc dùng báo chí để tự khẳng định mình, hay nói cách khác là dùng việc viết văn, làm báo để xác lập vị trí của mình một cách đường hoàng, đĩnh đạc. Nếu như trong truyền thống văn chương như một món quà để thù tạc, để tặng thì đến Tản Đà văn chương trở thành một thứ hàng hóa và viết văn không phải để “mua vui cũng được một vài trống canh” nữa mà là để kiếm sống. Thế nhưng cách “bán thơ” của Tản Đà rất độc đáo. Không phải thơ bị rẻ rúng như món hàng tầm thường mà trái lại giá trị của nó càng được khẳng định qua cái tôi ngông nghênh của nhà thơ. Bán thơ là phải bán cho trời vì thơ hay chỉ Trời may ra mới hiểu thấu hết được.

Có một điều độc đáo là con người “nhà nho tài tử” (truyền thống) và “nhà nho tân thời” (hiện đại) ở Tản Đà không hề mâu thuẫn, bài trừ lẫn nhau, cái này triệt tiêu hoàn toàn cái kia mà chúng là một sự kế tiếp, bổ sung làm cho nhau mạnh lên, kết hợp với nhau để tạo nên sức mạnh nghệ thuật mới. Tài năng hơn người, cá tính mạnh mẽ, năng lực chuyển đổi, tiếp cận cái mới và một bầu nhiệt huyết kiếm tìm cái mới mẻ trong nghệ thuật ngôn từ đã khiến Tản Đà vượt qua được những hạn chế, định kiến của thời đại, của cá nhân, trở thành người kết nối hai thời đại văn học tưởng như đối lập, bài trừ nhau, góp phần mở ra cả một kỉ nguyên trong lịch sử văn học dân tộc, đem lại cho nền văn học mới bản sắc dân tộc độc đáo, không bị chìm lấp trước sự tấn công vũ bão của văn minh, văn hóa phương Tây đương thời. Sức hút mạnh mẽ từ những sáng tác đầy cá tính, đầy tài năng của ông trước giới trẻ, trước công chúng là rất lớn, tạo nên những bùng nổ dây truyền mới, tạo nên những “cú hích” mạnh mẽ cho nền văn học hiện đại của dân tộc. Công lao ấy là rất lớn, là không thể phủ nhận.

3. Kết luận

Quả thật, đã có nhiều công trình, bài viết nói về Tản Đà - gạch nối của Đông - Tây, kim - cổ. Bài viết nhỏ này chỉ tập trung xác lập, khẳng định tính chất “đột biến” của cây bút Tản Đà, biểu hiện ở hành trình dịch chuyển từ “nhà nho tài tử” đến vị trí “nhà nho tân học”. Với sự chuyển dịch theo hướng đổi mới ấy, dễ hiểu tại sao Tản Đà được chủ nhân cuốn Thi nhân Việt Nam ví von là cánh cửa khép mở của hai thế kỉ. Vinh dự ấy và địa vị ấy không phải ai cũng có được trong lịch sử hàng ngàn năm của lịch sử văn học dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đình Chú, 1993. *Thơ văn Tản Đà*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Xuân Diệu, 1929. *Công của thi sĩ Tản Đà*. Nxb Đời nay, Hà Nội.
- [3] Tản Đà – Nguyễn Khắc Hiếu, 1941. *Giấc mộng con*. Nxb Hương Sơn, Hà Nội.
- [4] Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Đức Mậu (tuyển chọn và giới thiệu), 2000. *Tản Đà về tác gia và tác phẩm*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng, 1998. *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 – 1930*. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [6] Hoài Thanh – Hoài Chân, 2000. *Thi nhân Việt Nam*. Nxb Văn học, Hà Nội.

ABSTRACT

Tan Da – From a dilettante to a modern Confucian Scholar

Bui Thi Lan Huong

Faculty of Primary Education, Ha Long University

Sure not by an unreasonable purpose, “Thinhan Viet Nam”’s author appreciated that Tan Da was “the door of two centuries” – as well as “the hyphen of two Vietnamese literary phases: Mediaeval and Modern” by HoaiThanh and other literary critics. Tan Da’s works acquired traditional literature’s success then became the innovation of a new stage of literature – modernizing Vietnamese’s literary style. “The man of two centuries” had completed such a bold journey from a dilettante Confucian Scholar with an amorous ego – to a modern Confucian Scholar with milestones in literary conception; with an emotional ego and an image of a professional novelist and a pressman in the transitional period.

Keywords: Tan Da, a dilettante, a modern Confucian Scholar, novel, transition.

Tailieu.vn